



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
& TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 05 tháng 07 năm 2011, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có văn phòng đại diện tại số 20, đường số 13, Khu dân cư Sóng Đà, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là - 2.662.804.640 VND (Năm 2010 lợi nhuận sau thuế là 1.739.082.566 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là - 1.262.804.640 VND (Năm 2010 lợi nhuận chưa phân phối là 2.479.143.483 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Bách Mộng Hà	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông:	Trương Văn Tích	Thành viên



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Bà Hoàng Oanh Thành viên
Bà: Lê Thị Thu Hà Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc gồm:

Ông : Bách Mộng Hà Giám đốc

Kế toán trưởng:

Ông : Phạm Việt Tấn Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 01/10/2011)

Ông : Nguyễn Văn Vinh Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 01/10/2011)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Phước, ngày 20 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Bách Mộng Hà

Số: 220/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 20 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

**LÊ VĂN TUẤN**

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên**TẠ QUANG LONG**

Chứng chỉ KTV số: 0649/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.010.435.172	14.528.452.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	2.113.146.138	3.056.782.835
1. Tiền	111		2.113.146.138	2.656.782.835
2. Các khoản tương đương tiền	112			400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		2.965.000.686	5.957.157.179
1. Phải thu của khách hàng	131		2.178.473.299	2.575.963.277
2. Trả trước cho người bán	132		612.393.492	3.356.251.102
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	04	174.133.895	24.942.800
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		3.370.192.446	4.547.525.994
1. Hàng tồn kho	141	05	3.370.192.446	4.547.525.994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	06	1.562.095.902	966.986.598
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		761.585.936	377.566.611
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.384.685	29.807.025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		780.112	18.104.114
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		729.345.169	541.508.848
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		18.156.454.618	15.476.984.730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		16.322.066.060	14.542.390.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	1.708.454.104	2.618.605.207
- Nguyên giá	222		4.532.033.306	5.434.801.717
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.823.579.202)	(2.816.196.510)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	08	2.410.984.483	
- Nguyên giá	225		2.609.442.583	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(198.458.100)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	09	9.803.697.972	10.259.089.476
- Nguyên giá	228		13.530.830.000	13.530.830.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.727.132.028)	(3.271.740.524)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.398.929.501	1.664.695.817
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		792.905.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	792.905.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.041.483.558	934.594.230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	173.160.958	334.594.230
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	13	868.322.600	600.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.166.889.790	30.005.437.336



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		6.709.401.596	5.712.218.814
I. Nợ ngắn hạn	310		4.789.300.958	5.707.591.024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	3.500.000.000	2.200.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		886.850.680	2.106.934.697
3. Người mua trả tiền trước	313		34.128.000	944.404.858
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	201.764.325	274.096.508
5. Phải trả người lao động	315		90.745.140	248.390.077
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn khác	319	16		109.377.759
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		75.812.813	(175.612.875)
II. Nợ dài hạn	330		1.920.100.638	4.627.790
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.915.472.848	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.627.790	4.627.790
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		21.457.488.194	24.293.218.522
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	21.457.488.194	24.293.218.522
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.157.500.000	21.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.562.792.834	814.075.039
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.262.804.640)	2.479.143.483
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.166.889.790	30.005.437.336

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi hoạt động			

Bình Phước, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh

Giám đốc



Bách Mộng Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	9.613.308.536	10.176.048.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		9.613.308.536	10.176.048.524
4. Giá vốn hàng bán	11	20	8.272.272.615	5.590.331.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.341.035.921	4.585.717.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	88.655.232	51.163.631
7. Chi phí tài chính	22	22	781.831.669	43.000.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		770.697.475	43.000.000
8. Chi phí bán hàng	24		445.383.351	208.470.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.148.921.719	2.485.356.545
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(1.946.445.586)	1.900.053.619
11. Thu nhập khác	31	23	2.609.442.583	167.992.000
12. Chi phí khác	32	24	3.325.801.637	56.493.841
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(716.359.054)	111.498.159
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.662.804.640)	2.011.551.778
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25		272.469.212
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.662.804.640)	1.739.082.566
18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(1.259)	828

Bình Phước, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh

Giám đốc



Bách Mộng Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp		12.746.607.976	10.176.048.724
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(9.654.161.204)	(8.375.721.489)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.680.183.852)	(2.175.950.574)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(770.697.475)	(43.000.000)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(557.932.268)	(216.591.814)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.746.387.800	
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.134.194)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		818.886.783	(635.215.153)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(2.277.280.940)	(364.334.548)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		(792.905.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		88.655.232	51.163.631
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.981.530.708)	(313.170.917)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		157.500.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.593.162.000	2.200.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.293.162.000)	(43.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(238.492.772)	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(7.642.153)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.219.007.228	2.149.357.847
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(943.636.697)	1.200.971.777
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.056.782.835	1.855.811.058
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		2.113.146.138	3.056.782.835

Bình Phước, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Võ Thị Cẩm Phương

Nguyễn Văn Vĩnh

Giám đốc



Bạch Mộng Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

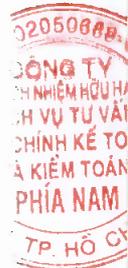
Năm 2011

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 05 tháng 07 năm 2011, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng số cổ phần là 2.115.750, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 633.880 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

Tên cổ đông	Trụ sở chính	Số cổ phần
- Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời Đại diện: Ông Bách Mộng Hà.	Số 449 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	226.380
- Công ty INCOMEX Sài Gòn Đại diện: Ông Nguyễn Kim Lan	27 Cao Thắng, phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	150.000
- Bà Hoàng Oanh	Số 2, Đường 2, Phước Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.	117.000
- Ông Nguyễn Tiến Hưng	Số 39 Đường số 02 Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	92.500
- Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	48.000

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
Tiền		
Tiền mặt	1.480.950.457	520.362.589
Tiền gửi ngân hàng	632.195.681	2.136.420.246
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng		400.000.000
Cộng	2.113.146.138	3.056.782.835

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
- Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	173.445.004	
- Phải thu khác	688.891	24.942.800
	174.133.895	24.942.800

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.470.211.680	659.093.301
- Công cụ, dụng cụ	9.126.677	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	505.888.421	2.589.316.329
- Thành phẩm	1.359.964.830	1.297.316.564
- Hàng hóa	25.000.838	1.799.800
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.370.192.446	4.547.525.994

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí trả trước ngắn hạn	761.585.936	377.566.611
- Công cụ, dụng cụ	42.533.609	
- Chi phí tư vấn phát triển thị trường	662.802.327	377.566.611
- Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	43.750.000	
- Phí kiểm toán vốn	12.500.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	70.384.685	29.807.025
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	780.112	18.104.114
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	780.112	18.104.114
Tài sản ngắn hạn khác	729.345.169	541.508.848
- Tạm ứng	669.345.169	541.508.848
- Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	60.000.000	
+ Đặt cọc thuê nhà	60.000.000	
Cộng	1.562.095.902	966.986.598

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.582.533.062	2.868.116.526	862.778.057	121.374.072		5.434.801.717
Số tăng trong năm		1.994.680.940	270.000.000	12.600.000		2.277.280.940
- Mua trong năm		1.994.680.940	270.000.000	12.600.000		2.277.280.940
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		3.180.049.351				3.180.049.351
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán		3.180.049.351				3.180.049.351
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	1.582.533.062	1.682.748.115	1.132.778.057	133.974.072		4.532.033.306
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	633.013.236	1.640.646.583	473.462.763	69.073.928		2.816.196.510
Số tăng trong năm	158.253.312	267.726.052	126.813.900	25.196.196		577.989.460
- Khấu hao trong năm	158.253.312	267.726.052	126.813.900	25.196.196		577.989.460
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		570.606.768				570.606.768
- Thanh lý, nhượng bán		570.606.768				570.606.768
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	791.266.548	1.337.765.867	600.276.663	94.270.124		2.823.579.202
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	949.519.826	1.227.469.943	389.315.294	52.300.144		2.618.605.207
Tại ngày cuối năm	791.266.514	344.982.248	532.501.394	39.703.948		1.708.454.104

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm		2.609.442.583				2.609.442.583
- Thuê tài chính trong năm		2.609.442.583				2.609.442.583
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
Bao gồm:						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		2.609.442.583				2.609.442.583
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm		198.458.100				198.458.100
- Khấu hao trong năm		198.458.100				198.458.100
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		198.458.100				198.458.100
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm						
Tại ngày cuối năm		2.410.984.483				2.410.984.483

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	4.423.000.000	9.107.830.000	13.530.830.000
Số tăng trong năm			
- Mua trong năm			
- Tặng khác			
Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
Số dư cuối năm	4.423.000.000	9.107.830.000	13.530.830.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	84.000.000	3.187.740.524	3.271.740.524
Số tăng trong năm	7.000.000	448.391.504	455.391.504
- Khấu hao trong năm	7.000.000	448.391.504	455.391.504
- Tặng khác			
Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	91.000.000	3.636.132.028	3.727.132.028
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu năm	4.339.000.000	5.920.089.476	10.259.089.476
Tại ngày cuối năm	4.332.000.000	5.471.697.972	9.803.697.972

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
- Công trình văn phòng Bình Dương	16.363.636	16.363.636
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước	92.033.181	92.033.181
- Nhà máy bao bì	790.532.684	56.299.000
- Công trình nhà máy tại Khu công nghệ cao TP.HCM	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	2.398.929.501	1.664.695.817

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011	01/01/2011
- Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ	792.905.000	
Cộng	792.905.000	

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
- Chi phí thi công mặt dựng		18.629.588
- Cước vận chuyển xe hơi	2.707.251	
- Chi phí kiểm định vắc xin	47.666.667	95.333.336
- Cước vận chuyển		18.950.750
- Phí tư vấn GMP & ISO	85.000.000	145.000.000
- Phí kiểm định	37.787.040	56.680.556
Cộng	173.160.958	334.594.230

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
- Ký quỹ thuê xe	600.000.000	600.000.000
- Ký quỹ thuê tài chính	268.322.600	
Cộng	868.322.600	600.000.000

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	3.500.000.000	2.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1.500.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	2.000.000.000	
- Bà Hoàng Oanh		1.200.000.000
Nợ ngắn hạn		
Cộng	3.500.000.000	2.200.000.000

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2011	01/01/2011
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	175.149.687	216.472.713
- Thuế thu nhập cá nhân		57.623.795
- Các loại thuế khác	26.614.638	
Cộng	201.764.325	274.096.508

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
- Bảo hiểm xã hội		22.998.362
- Bảo hiểm y tế		3.819.223
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		82.560.174
Cộng		109.377.759

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
Vay dài hạn		
Nợ dài hạn	1.915.472.848	
- Nợ thuê tài chính - NH TMCP Á Châu	1.915.472.848	
Cộng	1.915.472.848	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	21.000.000.000					-	1.893.697.359
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước							1.739.082.566
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Trích lập các quỹ					814.075.039		(1.145.994.289)
Chia cổ tức							(7.642.153)
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước	21.000.000.000			814.075.039			2.479.143.483
Tăng vốn trong năm nay	157.500.000						
Lãi trong năm nay							
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							(2.662.804.640)
Trích lập các quỹ					748.717.795		(1.079.143.483)
Chia cổ tức							
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	21.157.500.000			1.562.792.834			(1.262.804.640)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	%
Vốn góp của các đối tượng	21.157.500.000	100,00%	21.000.000.000	100,00%
Cộng	<u>21.157.500.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

18. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
+Vốn góp tăng trong kỳ	157.500.000	-
+Vốn góp giảm trong kỳ		
+Vốn góp cuối kỳ	21.157.500.000	21.000.000.000
	-	-

18. d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.115.750	2.100.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.100.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

18. e) Các quỹ của công ty:

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.562.792.834	814.075.039
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng:	1.562.792.834	814.075.039

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
Doanh thu bán hàng	9.613.308.536	10.176.048.524
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	9.613.308.536	10.176.048.524

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	8.272.272.615	5.590.331.353
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
Cộng	8.272.272.615	5.590.331.353

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.655.232	51.163.631
Cộng	88.655.232	51.163.631

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
- Lãi tiền vay	770.697.475	43.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.134.194	
Cộng	781.831.669	43.000.000

23. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
- Thu từ thanh lý TSCĐ	2.609.442.583	167.992.000
Cộng	2.609.442.583	167.992.000

24. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2010</i>
- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	2.609.442.583	56.493.841
- Thuế GTGT, TNDN, TNCN truy thu	554.074.657	
- Nộp phạt vi phạm hành chính	131.004.213	
- Chi phí khác	31.280.184	
Cộng	3.325.801.637	56.493.841

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/GCNU'ĐĐT-UB ngày 03/01/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp, Công ty được hưởng mức thuế suất là 25%, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Năm 2007).

	Năm 2011	Năm 2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		272.469.212
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	
Cộng		272.469.212

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2011	Năm 2010
(Lỗ) lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(2.662.804.640)	1.739.082.566
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.115.750	2.100.000
(Lỗ) lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(1.259)	828

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
- Chi phí nguyên vật liệu	2.274.369.866	2.314.133.383
- Chi phí nhân công	2.688.015.857	2.484.865.511
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.231.839.064	1.123.452.666
- Chi phí mua ngoài	2.123.226.541	1.139.005.994
- Chi phí bằng tiền khác	342.861.144	399.994.042
Cộng	8.660.312.472	7.461.451.596

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Công ty TNHH TTB Y Tế Mặt Trời	Bên liên quan	Mua hàng	500.190.000
- Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ	Công ty con	Góp vốn	792.905.000
- Ông Bách Mộng Hà	Bên liên quan	Phí thuê xe	120.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Bên liên quan	Tạm ứng	60.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Bên liên quan	Tạm ứng	152.000.000
- Bà Lê Thị Thu Hà	Bên liên quan	Tạm ứng	112.700.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2011

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
- Công ty TNHH TTB Y Tế Mặt Trời	Bên liên quan	Ứng trước tiền hàng	416.539.447
- Ông Bách Mộng Hà	Bên liên quan	Đặt cọc tiền thuê xe	600.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Bên liên quan	Tạm ứng	124.500.000
- Bà Hoàng Oanh	Bên liên quan	Tạm ứng	142.000.000
- Bà Lê Thị Thu Hà	Bên liên quan	Tạm ứng	23.000.000

28.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Bình Phước, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh

Giám đốc



Bách Mộng Hà